

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 307/2024/HSST
Ngày: 30/9/2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Việt Thống và bà Nguyễn Thị Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tinh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2024, tại Hội trường D - Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 286/2024/HS-ST, ngày 13 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 291/2024/QĐXXST-HS, ngày 18 tháng 9 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Lê Doan N**, sinh ngày 15/4/2001, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi thường trú: T6, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: 615/1 đường H, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Con ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1963; Con bà Lê Thị K, sinh năm: 1975; Trú tại: 615/1 đường H, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo có chồng là Lại Văn N, sinh năm: 1995, bị cáo có 01 con là Lại An N, sinh năm 2022.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B, từ ngày 30/8/2024, cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Ông Đoàn Văn N, sinh năm 1996; Địa chỉ: T7, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

2. Bà Tạ Ngọc Bảo T, sinh năm 1991; Địa chỉ: 51/10 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1996; Địa chỉ: Thôn Hòa T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1983; Địa chỉ: 37 đường H, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

5. Ông Cần Hữu D, sinh năm 1990; Địa chỉ: H 120 đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

6. Bà Phạm Hoài T, sinh năm 1991; Địa chỉ: 23B đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

7. Bà Vũ Thị Thu H, sinh năm 1996; Địa chỉ: T2, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

8. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1998; Địa chỉ: 473/32/4 đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

9. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1991; Địa chỉ: 116 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

10. Bà Bùi Thị H, sinh năm 1987; Địa chỉ: 174/6 đường Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

11. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1991; Địa chỉ: T9B, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

12. Ông Thiều Quang N, sinh năm 1990; Địa chỉ: L1, t7, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Thái Bảo T; Địa chỉ: 31 đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2021, chị Nguyễn Thị Mỹ L (là chủ nhà xe B), địa chỉ: 31 đường Y, phường T, thành phố B thuê bị cáo Nguyễn Lê Doan N làm nhân viên trực đài của nhà xe B. Công việc của bị cáo N tại nhà xe B là nhận cuộc gọi của khách đặt vé xe đi, nhờ giao hàng thu hộ tiền, trả tiền thu hộ trên cho khách và cung cấp số tài khoản Ngân hàng của nhà xe để khách chuyển tiền vé tháng. Trong thời gian từ đầu năm 2021 đến tháng 12/2022, bị cáo N nhận hàng thu hộ, trả tiền thu hộ cho khách và thu tiền vé tháng cho nhà xe B đầy đủ. Quá trình làm việc tại nhà xe B, bị cáo N phát hiện việc quản lý lỏng lẻo của nhà xe trong việc thu tiền từ khách hàng và đã nhận được sự tin tưởng của chị L trong việc trả tiền thu hộ cho khách, tiền vé tháng khách thanh toán cho nhà xe B nên bị cáo N nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của khách hàng thông qua việc khách hàng nhờ giao hàng thu hộ tiền, trả tiền thu hộ cho khách hàng và tiền vé tháng mà khách hàng chuyển cho nhà xe B, để lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân. N sử dụng thủ đoạn như sau: Khi tài xế nhà xe B đã giao hàng và đưa tiền thu hộ cho N để N trả lại tiền cho khách hàng, thì N sẽ chiếm đoạt số tiền trên và đưa thông tin gian dối là nhà xe hoặc N đang hết tiền mặt, kẹt tiền chưa thanh toán được và hẹn khi nào có tiền sẽ thanh

toán cho khách; trong trường hợp có khách hàng nộp tiền vé tháng cho nhà xe B, thì N sẽ đưa thông tin gian dối tài khoản nhà xe đang bị lỗi, yêu cầu khách hàng chuyển tiền vào số tài khoản 55875586789 của N, mở tại Ngân hàng TPBank, khi chủ nhà xe B hỏi tiền, thì N nói dối khách hàng chưa đóng vé tháng để chiếm đoạt số tiền trên.

Với phương thức và thủ đoạn như trên, trong thời gian từ tháng 12/2022 đến tháng 5/2023, bị cáo Nguyễn Lê Đoàn N đã nhiều lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhiều người cụ thể như sau:

1. Tháng 12/2022, anh Đoàn Văn N, sinh năm: 1996, trú tại: t7, phường T, thành phố B, sử dụng số điện thoại 0829094747 gọi điện đến số điện thoại 0978234747 của nhà xe B gặp bị cáo N, nhờ giao hộ 01 đơn hàng hoa bán Tết và nhờ thu hộ số tiền là 2.300.000 đồng. Sau khi tài xế nhà xe giao hàng, thu tiền thì đưa lại cho bị cáo N số tiền 2.300.000 đồng để bị cáo N trả cho anh N. Do có mục đích chiếm đoạt tài sản từ trước nên bị cáo N không trả số tiền 2.300.000 đồng cho anh N mà chiếm đoạt để tiêu xài cá nhân. Sau đó, anh N liên hệ bị cáo N để lấy số tiền 2.300.000 đồng, thì bị cáo N nói dối do nhà xe đang hết tiền mặt, kẹt tiền, hẹn anh N hôm khác lấy, thì anh N tin tưởng là thật, không hỏi gì thêm. Do anh N nhiều lần đòi tiền và sợ bị chị L phát hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nên tháng 1/2023, N đã trả cho anh N số tiền 1.000.000 đồng, số tiền 1.300.000 đồng còn lại N không trả. Sau nhiều lần đòi tiền bị cáo N không được, anh N đã thông báo cho chị L biết việc bị cáo N chiếm đoạt số tiền 1.300.000 đồng, thì chị L đã hỏi bị cáo N có chiếm đoạt tiền của anh N hay không, thì bị cáo N nói dối chị L tài xế chưa đưa tiền thu hộ và sẽ hỏi tài xế đưa lại để trả cho anh N. Sau đó, bị cáo sợ bị anh N tố giác và bị chị L phát hiện chiếm đoạt tiền nên ngày 30/5/2023 bị cáo N khắc phục số tiền 1.300.000 đồng cho anh N.

2. Từ ngày 30/12/2022 đến ngày 02/01/2023, chị Tạ Ngọc Bảo T, trú tại: 51/10 đường N, phường T, thành phố B, sử dụng số điện thoại 0938323344 gọi điện đến số điện thoại 0978234747 của nhà xe B gặp bị cáo N và nhờ nhà xe giao hộ 03 đơn giao hàng đông lạnh, thu hộ tổng số tiền là 5.070.000 đồng. Sau khi tài xế giao hàng, thu tiền thì đưa cho bị cáo N số tiền 5.070.000 đồng, để bị cáo N đưa lại cho chị T. Do có mục đích chiếm đoạt tài sản từ trước nên bị cáo N không trả số tiền 5.070.000 đồng cho chị T mà chiếm đoạt để tiêu xài cá nhân. Sau đó, chị T liên hệ bị cáo N để lấy số tiền 5.070.000 đồng, thì bị cáo N nói dối do nhà xe đang hết tiền mặt, kẹt tiền, hẹn chị T hôm khác lấy, thì chị T tin tưởng là thật, không hỏi gì thêm. Do nhiều lần đòi tiền bị cáo N không được nên chị T đã thông báo cho chị L biết việc bị cáo N chiếm đoạt số tiền 5.070.000 đồng, thì chị L đã hỏi bị cáo N có chiếm đoạt tiền của chị T hay không, bị cáo N nói dối chị L tài xế chưa đưa tiền thu hộ và sẽ hỏi tài xế đưa lại để trả cho chị T. Sau khi phát hiện bị cáo N chiếm đoạt tiền của chị T, thì ngày 21/3/2023 tại nhà xe B, chị L đã thay mặt Nguyễn Lê Đoàn N trả lại cho chị T số tiền 5.070.000 đồng.

3. Ngày 15/02/2023, chị Nguyễn Thị Thu N, trú tại: Thôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk sử dụng số điện thoại 0844708708 gọi điện đến số điện thoại 0978234747 của nhà xe B gặp bị cáo N và nhờ nhà xe giao 01 đơn hàng canh mật

ong, thu hộ số tiền 1.400.000 đồng. Sau khi tài xế giao hàng, thu tiền thì đưa cho bị cáo N số tiền 1.400.000 đồng, để bị cáo N trả cho chị N. Do có mục đích chiếm đoạt tài sản từ trước nên bị cáo N không trả số tiền 1.400.000 đồng cho chị N mà chiếm đoạt để tiêu xài cá nhân. Sau đó, chị N liên hệ bị cáo N để lấy tiền, thì bị cáo N nói dối do nhà xe đang hết tiền mặt, kẹt tiền, hẹn chị N hôm khác lấy, thì chị N tin tưởng là thật, không hỏi gì thêm. Do nhiều lần đòi tiền bị cáo không được nên chị N đã thông báo cho chị L biết việc bị cáo N chiếm đoạt số tiền 1.400.000 đồng, chị L đã hỏi bị cáo N có chiếm đoạt tiền của chị N hay không, bị cáo N nói dối chị L tài xế chưa đưa tiền thu hộ và sẽ hỏi tài xế đưa lại để trả cho chị N. Sau khi phát hiện bị cáo N chiếm đoạt tiền của chị N, thì tháng 6/2023 tại nhà xe B, chị L đã thay mặt bị cáo N trả lại cho chị N số tiền 1.400.000 đồng.

4. Ngày 20/02/2023, chị Nguyễn Thị Thanh T, trú tại: 37 đường H, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk sử dụng số điện thoại 0942883679 gọi điện đến số điện thoại 0978234747 của nhà xe gặp bị cáo N, để thanh toán tiền vé xe tháng cho nhà xe B số tiền 1.600.000 đồng. Do có mục đích chiếm đoạt tài sản từ trước nên bị cáo N nói dối tài khoản của nhà xe B đang bị lỗi, yêu cầu chị T chuyển tiền vào số tài khoản 55875586789 của bị cáo N để chiếm đoạt tiền của chị T. Chị T tin tưởng là thật nên đã sử dụng số tài khoản 0942883679 của chị T, mở tại Ngân hàng đầu tư phát triển Việt Nam chuyển cho bị cáo N số tiền 1.600.000 đồng. Số tiền chiếm đoạt của chị T, bị cáo N sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

5. Ngày 16/3/2023, anh Cấn Hữu D, trú tại: H120 đường Y, phường T, thành phố B, sử dụng số điện thoại 0343036969 gọi điện đến số điện thoại 0978234747 của nhà xe B gặp bị cáo N và nhờ nhà xe giao 01 đơn hàng đồ dùng nuôi chim, thu hộ số tiền 1.700.000 đồng. Sau khi tài xế giao hàng, thu tiền thì đưa lại cho bị cáo N số tiền 1.700.000 đồng, để bị cáo N trả lại cho anh D. Do có mục đích chiếm đoạt tài sản từ trước nên bị cáo N không trả số tiền 1.700.000 đồng cho anh D mà chiếm đoạt để tiêu xài cá nhân. Sau đó, anh D liên hệ bị cáo N để lấy tiền, thì bị cáo N nói dối do nhà xe đang hết tiền mặt, kẹt tiền, hẹn anh D hôm khác lấy, thì anh D tin tưởng là thật, không hỏi gì thêm. Do nhiều lần đòi tiền bị cáo N không được nên anh D đã thông báo cho chị L biết việc bị cáo N chiếm đoạt số tiền 1.700.000 đồng, thì chị L đã hỏi bị cáo N có chiếm đoạt tiền của anh D hay không, bị cáo N nói dối chị L tài xế chưa đưa tiền thu hộ và sẽ hỏi tài xế đưa lại để trả cho anh D. Sau khi phát hiện bị cáo N chiếm đoạt tiền của anh D, thì ngày 21/3/2023 tại nhà xe B, chị L đã thay mặt bị cáo N trả lại cho anh D số tiền 1.700.000 đồng.

Do thấy việc chị L đã thay mặt bị cáo N trả số tiền 1.700.000 đồng, anh D tin tưởng uy tín của nhà xe B và bị cáo N sẽ không tiếp tục chiếm đoạt tiền của mình nên ngày 15/5/2023, anh D tiếp tục gọi điện đến số điện thoại 0978234747 của nhà xe B gặp bị cáo N và nhờ nhà xe giao 01 đơn hàng đồ dùng nuôi chim, thu hộ số tiền 1.000.000 đồng. Sau khi tài xế giao hàng, thu tiền thì đưa lại cho bị cáo N số tiền 1.000.000 đồng, để trả lại cho anh D. Do có mục đích chiếm đoạt tài sản từ trước nên bị cáo N không trả số tiền 1.000.000 đồng cho anh D mà tiếp tục chiếm đoạt để tiêu xài cá nhân. Sau đó, anh D liên hệ bị cáo N để lấy tiền, thì bị cáo N nói dối do nhà xe đang hết tiền mặt, kẹt tiền, mượn tạm anh D để sử

dụng cho nhà xe B hẹn anh D hôm khác lấy và cam kết không chiếm đoạt của anh D, thì anh D tin tưởng là thật, không hỏi gì thêm. Do thấy anh D nhiều lần đòi tiền và sợ bị chị L phát hiện bị cáo N tiếp tục chiếm đoạt tiền của anh D nên ngày 19/5/2023, bị cáo N đã khắc phục số tiền 1.000.000 đồng cho anh D.

6. Ngày 17/03/2023, chị Phạm Hoài T, trú tại: 23B đường N, phường T, thành phố B, sử dụng số điện thoại 0964222444 gọi điện đến số điện thoại 0978234747 của nhà xe B gặp bị cáo N và nhờ giao 01 đơn hàng, thu hộ số tiền 1.000.000 đồng. Sau khi tài xế giao hàng, thu tiền thì đưa lại cho bị cáo N số tiền 1.000.000 đồng, để bị cáo N trả lại cho chị T. Do có mục đích chiếm đoạt tài sản từ trước nên bị cáo N không trả số tiền 1.000.000 đồng cho chị T mà chiếm đoạt để tiêu xài cá nhân. Sau đó, chị T liên hệ bị cáo N để lấy tiền, thì bị cáo N nói dối do nhà xe đang hết tiền mặt, kẹt tiền, hẹn chị T hôm khác lấy, thì chị T tin tưởng là thật, không hỏi gì thêm. Do nhiều lần đòi tiền bị cáo N không được, nên chị T đã thông báo cho chị L biết việc bị cáo N chiếm đoạt số tiền 1.000.000 đồng, thì chị L đã hỏi bị cáo N có chiếm đoạt tiền của chị T hay không, bị cáo N nói dối chị L tài xế chưa đưa tiền thu hộ và sẽ hỏi tài xế đưa lại để trả cho chị T. Sau khi phát hiện bị cáo N chiếm đoạt tiền của chị T, thì tháng 5/2023, tại nhà xe B, chị L đã thay mặt bị cáo N trả lại cho chị T số tiền 1.000.000 đồng.

7. Ngày 21/3/2023, chị Vũ Thị Thu H, trú tại: T2, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk sử dụng số điện thoại 0963808018 gọi điện đến số điện thoại 0978234747 của nhà xe B gặp bị cáo N để thanh toán tiền vé xe tháng cho nhà xe số tiền 1.600.000 đồng. Do có mục đích chiếm đoạt tài sản từ trước nên bị cáo N nói dối tài khoản của nhà xe B đang bị lỗi, yêu cầu chị H chuyển tiền vào số tài khoản 55875586789 của bị cáo N để chiếm đoạt tiền của chị H. Chị H tin tưởng là thật nên đã sử dụng số tài khoản 19036624150010 của chị H, mở tại Ngân hàng Techcombank chuyển cho bị cáo N số tiền 1.600.000 đồng. Số tiền chiếm đoạt của chị H, bị cáo N sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

8. Ngày 13/5/2023, chị Nguyễn Thị L, trú tại: 473/32/4 đường Y, phường T, thành phố B, sử dụng số điện thoại 0931706706 gọi điện đến số điện thoại 0978234747 của nhà xe B gặp bị cáo N và nhờ giao 01 đơn hàng và thu hộ số tiền 1.150.000 đồng. Sau khi tài xế giao hàng, thu tiền thì đưa lại cho bị cáo N số tiền 1.150.000 đồng, để bị cáo N đưa lại cho chị L. Do có mục đích chiếm đoạt tài sản từ trước nên bị cáo N không trả số tiền 1.150.000 đồng cho chị L mà chiếm đoạt để tiêu xài cá nhân. Sau đó, chị L liên hệ bị cáo N để lấy tiền, thì bị cáo N nói dối do nhà xe đang hết tiền mặt, kẹt tiền, hẹn chị L hôm khác lấy, thì chị L tin tưởng là thật, không hỏi gì thêm. Do nhiều lần đòi tiền bị cáo N không được, nên chị L đã thông báo cho chị L biết việc bị cáo N chiếm đoạt số tiền 1.150.000 đồng, thì chị L hỏi bị cáo N có chiếm đoạt tiền của chị L hay không, bị cáo N nói dối chị L tài xế chưa đưa tiền thu hộ và sẽ hỏi tài xế đưa lại để trả cho chị L. Sau khi phát hiện bị cáo N chiếm đoạt tiền của chị L, thì ngày 08/7/2023 tại nhà xe B, chị L đã thay mặt bị cáo N trả lại cho chị L số tiền 1.150.000 đồng.

9. Ngày 13/5/2023, anh Nguyễn Văn C, trú tại: 16 đường N, phường T, thành phố B, sử dụng số điện thoại 0828008050 gọi điện đến số điện thoại

0978234747 của nhà xe B gặp bị cáo N và nhờ giao 01 đơn hàng và thu hộ số tiền 848.000 đồng. Sau khi tài xế giao hàng, thu tiền thì đưa lại cho bị cáo N số tiền 848.000 đồng, để bị cáo N đưa lại cho anh C. Do có mục đích chiếm đoạt tài sản từ trước nên bị cáo N không trả số tiền 848.000 đồng cho anh C mà chiếm đoạt để tiêu xài cá nhân. Sau đó, anh C liên hệ bị cáo N để lấy tiền, thì bị cáo N nói dối do nhà xe đang hết tiền mặt, kẹt tiền, hẹn anh C hôm khác lấy, thì anh C tin tưởng là thật, không hỏi gì thêm. Do nhiều lần đòi tiền bị cáo N không được, nên anh C đã thông báo cho chị L biết việc bị cáo N chiếm đoạt số tiền 848.000 đồng, thì chị L hỏi bị cáo N có chiếm đoạt tiền của anh C hay không, bị cáo N nói dối chị L tài xế chưa đưa tiền thu hộ và sẽ hỏi tài xế đưa lại để trả cho anh C. Sau khi phát hiện bị cáo N chiếm đoạt tiền của anh C, thì ngày 08/7/2023 tại nhà xe B, chị L đã thay mặt bị cáo N trả lại cho anh C số tiền 848.000 đồng.

10. Ngày 22/5/2023, chị Bùi Thị H, trú tại: 174/6 đường Y, phường E, thành phố B, sử dụng số điện thoại 0942563535 gọi điện đến số điện thoại 0978234747 của nhà xe B gặp bị cáo N và nhờ giao hộ đơn hàng, thu hộ số tiền 1.635.000 đồng. Sau khi tài xế giao hàng, thu tiền thì đưa lại cho N số tiền 1.635.000 đồng, để bị cáo N đưa lại cho chị H. Do có mục đích chiếm đoạt tài sản từ trước nên bị cáo N không trả số tiền 1.635.000 đồng cho chị H mà chiếm đoạt để tiêu xài cá nhân. Sau đó, chị H liên hệ bị cáo N để lấy tiền, thì bị cáo N nói dối do nhà xe đang hết tiền mặt, kẹt tiền, hẹn chị H hôm khác lấy, thì chị H tin tưởng là thật, không hỏi gì thêm. Do nhiều lần đòi tiền bị cáo N không được, nên chị H đã thông báo cho chị L biết, việc bị cáo N chiếm đoạt số tiền 1.635.000 đồng, thì chị L hỏi bị cáo N có chiếm đoạt tiền của chị H hay không, bị cáo N nói dối chị L tài xế chưa đưa tiền thu hộ và sẽ hỏi tài xế đưa lại để trả cho chị H. Sau đó, sợ bị chị L phát hiện việc tiếp tục lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị H nên ngày 09/6/2023, bị cáo N khắc phục số tiền 1.635.000 đồng cho chị H.

11. Ngày 27/5/2023, anh Nguyễn Văn C, trú tại: T9B, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk sử dụng số điện thoại 0905690069 gọi điện đến số điện thoại 0978234747 của nhà xe B gặp bị cáo N và nhờ giao 01 đơn hàng, thu hộ số tiền 2.120.000 đồng. Sau khi tài xế giao hàng, thu tiền thì đưa lại cho bị cáo N số tiền 2.120.000 đồng, để bị cáo N đưa lại cho anh C. Do có mục đích chiếm đoạt tài sản từ trước nên bị cáo N không trả số tiền 2.120.000 đồng cho anh C mà chiếm đoạt để tiêu xài cá nhân thì anh C tin tưởng là thật, không hỏi gì thêm. Do nhiều lần đòi tiền bị cáo N không được, nên anh C đã thông báo cho chị L biết việc bị cáo N chiếm đoạt số tiền 2.120.000 đồng, thì chị L hỏi bị cáo N có chiếm đoạt tiền của anh C hay không, bị cáo N nói dối chị L tài xế chưa đưa tiền thu hộ và sẽ hỏi tài xế đưa lại để trả cho anh C. Sau khi phát hiện bị cáo N chiếm đoạt tiền của anh C, thì ngày 30/6/2023 tại nhà xe B, chị L đã thay mặt bị cáo N trả lại cho anh C số tiền 2.120.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, bị cáo Nguyễn Lê Doan N còn khai nhận, ngày 18/5/2023 và ngày 21/5/2023, bị cáo N còn lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Thiệu Quang N, trú tại: T1, k7, phường T, thành phố B, cụ thể:

Ngày 18/5/2023, bị cáo N sử dụng ứng dụng Messenger nhắn tin cho anh N, nói dối do tài khoản của anh Thái Bảo T, trú tại: 31 đường Y, phường T, thành phố B (là chồng của chị Nguyễn Thị Mỹ L - chủ nhà xe B) đang bị lỗi không thanh toán tiền cho khách được và mượn anh N số tiền 2.000.000 đồng để thanh toán tiền cho khách, khi nào tài khoản của anh T mở được, anh T chuyển tiền lại cho bị cáo N, bị cáo N sẽ chuyển lại cho anh N để chiếm đoạt tiền của anh N, thì anh N tin tưởng là thật nên đồng ý. Sau đó, bị cáo N nói anh N chuyển tiền vào số tài khoản 55875586789 của bị cáo N, mở tại Ngân hàng TPBank. Anh N sử dụng tài khoản số 1014374341 của anh N, mở tại Ngân hàng Vietcombank chuyển vào tài khoản của bị cáo N số tiền 2.000.000 đồng. Số tiền chiếm đoạt của anh N, bị cáo N sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Đến khoảng 20 giờ 20 phút ngày 21/5/2023, bị cáo Nghi tiếp tục sử dụng ứng dụng Messenger nhắn tin cho anh N, nói dối do tài khoản của anh T (là chồng của chị Nguyễn Thị Mỹ L - chủ nhà xe B) đang bị lỗi, bị cáo N đang cần tiền đặt vé máy bay cho tài xế của nhà xe B nhưng không có tiền nên hỏi mượn anh N số tiền 1.500.000 đồng để đặt vé máy bay, ngày mai anh T sẽ chuyển lại cho anh N để tiếp tục chiếm đoạt tiền của anh N, thì anh N tin tưởng là thật nên đồng ý. Sau đó, anh N sử dụng tài khoản số 1014374341 của anh N, chuyển vào tài khoản của bị cáo N số tiền 1.500.000 đồng. Số tiền chiếm đoạt của anh N, bị cáo N sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Ngày 24/5/2023, anh N yêu cầu bị cáo N trả tổng số tiền 3.500.000 đồng đã mượn vào ngày 18/5/2023 và ngày 21/5/2023, thì bị cáo N nói dối là bị cáo N đã hỏi anh T nhưng không biết vì sao anh T chưa chuyển tiền cho anh N, bị cáo N sẽ hỏi anh T chuyển tiền cho anh N, thì anh N tưởng là thật, không hỏi gì thêm. Sau đó, để tránh việc anh N đòi số tiền 3.500.000 đồng mà bị cáo N đã chiếm đoạt, thì bị cáo N đã chặn liên lạc với anh N. Còn anh N sau khi phát hiện bị cáo N chiếm đoạt tài sản đã làm đơn trình báo gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B để xử lý theo quy định.

Tại bản kết luận giám định số 214/KLGD ngày 29/2/2024 của Phòng Kỹ Thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận:

- Chữ ký phần nội dung và chữ viết họ tên “Nguyễn Lê Doan N” trên tài liệu cần giám định so với chữ viết trong Quyền vở nhãn hiệu T.T Book là do cùng một người viết ra.

- Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị Mỹ L trên tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị Mỹ L trên tài liệu cần so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

Tại bản cáo trạng số: 297/CT-VKS-HS ngày 13/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, đã truy tố bị cáo Nguyễn Lê Doan N về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã phân tích, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Lê Doan N theo bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

Áp dụng khoản 1 Điều 174; Điểm b, h, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Lê Đoan N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Lê Đoan N** mức án từ 18 (mười tám) tháng đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù.

-Về phần xử lý vật chứng: Đối với 01 giấy tường trình ngày 23/3/2023; 01 giấy cam kết ngày 23/3/2023, 01 giấy nợ ngày 27/5/2023, 01 bản cam kết ngày 10/6/2023 thể hiện nội dung Nguyễn Lê Đoan N thừa nhận hành vi chiếm đoạt tiền và tạm giữ của ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1963, trú tại: phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, 01 quyển vở nhãn hiệu T.T Book, màu trắng cam có nội dung chữ viết của Nguyễn Lê Đoan N, là các vật chứng của vụ án nên chuyển theo hồ sơ vụ án để phục vụ công tác xét xử.

-Về phần trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo Nguyễn Lê Đoan N đã tự nguyện bồi thường cho anh Đoàn Văn N số tiền 2.300.000 đồng, anh Cấn Hữu D số tiền 1.000.000 đồng và chị Bùi Thị H số tiền 1.635.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Mỹ L đã thay bị cáo N bồi thường cho chị Tạ Ngọc Bảo T số tiền 5.070.000 đồng, chị Nguyễn Thị Thu N số tiền 1.400.000 đồng, anh Cấn Hữu D số tiền 1.700.000 đồng, chị Phạm Hoài T số tiền 1.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị L số tiền 1.150.000 đồng, anh Nguyễn Văn C số tiền 848.000 đồng, anh Nguyễn Văn C số tiền 2.120.000 đồng, chị Nguyễn Thị Thanh T số tiền 1.600.000 đồng, chị Vũ Thị Thu H số tiền 1.600.000 đồng. Tổng cộng số tiền 16.488.000 đồng.

Đối với số tiền 16.488.000 đồng mà bà L đã thay bị cáo N khắc phục cho các bị hại, bị cáo N đã hoàn trả cho bà L tổng số tiền 10.490.000 đồng, còn nợ số tiền 5.998.000 đồng. Đề nghị buộc bị cáo N hoàn trả số tiền 5.998.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Mỹ L do bà L đã thay bị cáo N khắc phục cho các bị hại.

Đề nghị buộc bị cáo Nguyễn Lê Đoan N bồi thường cho anh Thiệu Quang N số tiền 3.500.000 đồng là tiền bị cáo Nghi chiếm đoạt của anh N.

Bị cáo không có ý kiến đòi đáp tranh luận gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

1. Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không xuất trình thêm chứng cứ tài liệu gì, bị cáo cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng theo quy định của pháp luật.

2. Qua kết quả tranh luận và lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Lê Đoan N đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Điều 174 Bộ Luật Hình sự quy định:

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, tác động xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo biết và nhận thức rõ tài sản của người khác không thuộc quyền sở hữu của mình thì bất khả xâm phạm nhưng bị cáo vẫn nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác nên trong khoảng thời gian từ tháng 12/2022 đến ngày 27/5/2023, tại địa bàn thành phố B, bị cáo Nguyễn Lê Đoan N đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 12 bị hại, gồm: Anh Đoàn Văn N số tiền 2.300.000 đồng, chị Tạ Ngọc Bảo T số tiền 5.070.000 đồng, chị Nguyễn Thị Thu N số tiền 1.400.000 đồng, chị Nguyễn Thị Thanh T số tiền 1.600.000 đồng, anh Cấn Hữu D số tiền 2.700.000 đồng, chị Vũ Thị Thu H số tiền 1.600.000 đồng, chị Phạm Hoài T số tiền 1.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị L số tiền 1.150.000 đồng, anh Nguyễn Văn C số tiền 848.000 đồng, chị Bùi Thị H số tiền 1.635.000 đồng, anh Nguyễn Văn C số tiền 2.120.000 đồng, anh Thiệu Quang N số tiền 3.500.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt là 24.923.000 đồng. Do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây ra.

3. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự phạm tội 02 lần trở lên.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét về nhân thân của bị cáo: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là người có nhân thân tốt, khi phạm tội bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, số tiền chiếm đoạt đã được trả lại cho một số người bị hại nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo khi lượng hình.

Từ những nhận định nêu trên với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

4. Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Về phần xử lý vật chứng: Đối với 01 giấy tường trình ngày 23/3/2023; 01 giấy cam kết ngày 23/3/2023, 01 giấy nợ ngày 27/5/2023, 01 bản cam kết ngày 10/6/2023 thể hiện nội dung Nguyễn Lê Đoàn N thừa nhận hành vi chiếm đoạt tiền và tạm giữ của ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1963, trú tại: phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, 01 quyển vở nhãn hiệu T.T Book, màu trắng cam có nội dung chữ viết của Nguyễn Lê Đoàn N, là các vật chứng của vụ án nên chuyển theo hồ sơ vụ án.

- Về phần trách nhiệm dân sự: Chấp nhận bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho anh Đoàn Văn N số tiền 2.300.000 đồng, anh Cần Hữu D số tiền 1.000.000 đồng và chị Bùi Thị H số tiền 1.635.000 đồng.

Chấp nhận việc bà Nguyễn Thị Mỹ L đã thay bị cáo N bồi thường cho chị Tạ Ngọc Bảo T số tiền 5.070.000 đồng, chị Nguyễn Thị Thu N số tiền 1.400.000 đồng, anh Cần Hữu D số tiền 1.700.000 đồng, chị Phạm Hoài T số tiền 1.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị L số tiền 1.150.000 đồng, anh Nguyễn Văn C số tiền 848.000 đồng, anh Nguyễn Văn C số tiền 2.120.000 đồng, chị Nguyễn Thị Thanh T số tiền 1.600.000 đồng, chị Vũ Thị Thu H số tiền 1.600.000 đồng. Tổng cộng số tiền 16.488.000 đồng.

Đối với số tiền 16.488.000 đồng mà bà L đã thay bị cáo N khắc phục cho các bị hại, bị cáo N đã hoàn trả cho bà L tổng số tiền 10.490.000 đồng, còn nợ số tiền 5.998.000 đồng. Buộc bị cáo N hoàn trả số tiền 5.998.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Mỹ L là phù hợp.

Buộc bị cáo Nguyễn Lê Đoàn N bồi thường cho ông Thiệu Quang N số tiền 3.500.000 đồng, là tiền bị cáo N chiếm đoạt của ông N.

5. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí đối với số tiền phải bồi thường.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Lê Đoàn N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; Điểm b, h, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Lê Đoàn N** 01 (một) năm 3 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 30/8/2024.

*.Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Về phần xử lý vật chứng: Đối với 01 giấy tường trình ngày 23/3/2023; 01 giấy cam kết ngày 23/3/2023, 01 giấy nợ ngày 27/5/2023, 01 bản cam kết ngày 10/6/2023 thể hiện nội dung Nguyễn Lê Đoàn N thừa nhận hành vi chiếm đoạt tiền và tạm giữ của ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1963, trú tại: phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, 01 quyển vở nhãn hiệu T.T Book, màu trắng cam có nội dung chữ viết của Nguyễn Lê Đoàn N, là các vật chứng nên lưu theo hồ sơ vụ án.

- Về phân trách nhiệm dân sự: Chấp nhận bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho anh Đoàn Văn N số tiền 2.300.000 đồng, anh Cán Hữu D số tiền 1.000.000 đồng và chị Bùi Thị H số tiền 1.635.000 đồng.

Chấp nhận bà Nguyễn Thị Mỹ L đã thay bị cáo N bồi thường cho chị Tạ Ngọc Bảo T số tiền 5.070.000 đồng, chị Nguyễn Thị Thu N số tiền 1.400.000 đồng, anh Cán Hữu D số tiền 1.700.000 đồng, chị Phạm Hoài T số tiền 1.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị L số tiền 1.150.000 đồng, anh Nguyễn Văn C số tiền 848.000 đồng, anh Nguyễn Văn C số tiền 2.120.000 đồng, chị Nguyễn Thị Thanh T số tiền 1.600.000 đồng, chị Vũ Thị Thu H số tiền 1.600.000 đồng. Tổng cộng số tiền 16.488.000 đồng. Bị cáo N đã hoàn trả cho bà L tổng số tiền 10.490.000 đồng còn nợ số tiền 5.998.000 đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Lê Đoàn N hoàn trả số tiền 5.998.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Mỹ L.

Buộc bị cáo Nguyễn Lê Đoàn N bồi thường cho ông Thiều Quang N số tiền 3.500.000 đồng, là tiền bị cáo N chiếm đoạt của ông N.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Lê Đoàn N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải bồi thường.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THATAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp.B;
- Công an Tp.B;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Chi cục THADS Tp. B;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh

+

o

